

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HC-ST
Ngày 01 - 7 - 2021
V/v Yêu cầu hủy quyết định hành
chính về giải quyết khiếu nại trong
lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Đào Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST- HC ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST - HC ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Bùi Văn A, sinh năm 1962, (Có mặt).

1.2. Ông Phí Văn B, sinh năm 1967

Người đại diện hợp pháp của ông B: Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1970 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2020), (Có mặt).

1.3. Bà Ngô Thị D, sinh năm 1946, (Có mặt).

1.4. Ông Nguyễn Quang E, sinh năm 1965, (Có mặt).

1.5. Ông Lê Văn G, sinh năm 1958, (Có mặt).

1.6. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1947, (Có mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông A, ông B, bà D, ông G, ông E, bà H: Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1964 và ông Ngô Thành K, sinh năm 1977 – Luật sư Công ty Luật TNHH niềm tin công lý; địa

chỉ: Tầng 6 Tòa nhà A, đường B, phường C, quận D, thành phố Hà Nội, (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện C

2.2. Chủ tịch UBND huyện C;

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:

1. Ông Đặng Công L, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện C là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện tham gia từ ngày 24/7/2020 đến ngày 24/9/2020 (Văn bản ủy quyền số 1739/ UBND-TP ngày 24/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C).

2. Ông Nguyễn Minh M, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện C là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện tham gia từ ngày 25/9/2020 đến nay (Văn bản ủy quyền số 2303/UBND-TP ngày 25/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C), (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hoàng N và ông Lỗ Tiến S - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C, (Có mặt ông N).

2.3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện C

2.4. Chủ tịch UBND xã B, huyện C

Địa chỉ: Xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B: Ông Nguyễn Hữu Q – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã là đại diện theo pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1966 (vợ ông A)

3.2. Anh Bùi Văn N1, sinh năm 1988 (con ông A)

3.3. Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1997 (con ông A)

3.4. Chị Bùi Thị N2, sinh năm 1991 (con ông A)

3.5. Chị Bùi Thị V, sinh năm 1993 (con dâu ông A)

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn A, sinh năm 1962 là đại diện theo ủy quyền (theo các văn bản ủy quyền ngày 01/12/2020)

3.6. Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1970 (vợ ông B)

3.7. Anh Phí Văn T, sinh năm 1994 (con ông B)

Người đại diện hợp pháp: Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1970 là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2020)

3.8. Anh Đàm Huy Q1, sinh năm 1978 (con bà D)

3.9. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982 (con dâu bà D)

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1946 là đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2020)

3.10. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1967 (vợ ông E)

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang E, sinh năm 1965 là đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2020)

3.11. Bà Phan Thị C1, sinh năm 1959 (vợ ông G)

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn G, sinh năm 1958 là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2020)

3.12. Ông Nguyễn Xuân N3, sinh năm 1947 (chồng bà H)

3.13. Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1980 (con bà H)

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1947 là đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2020)

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/6/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Bùi Văn A, ông Phí Văn B, bà Ngô Thị D, ông Nguyễn Quang E, ông Lê Văn G, bà Hoàng Thị H đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của hộ ông A, ông B, bà D, ông E, ông G, bà H trình bày:

Sáu hộ gia đình ông A, ông B, bà D, ông E, ông G và bà H có tổng diện tích 3.116m² đất bị thu hồi để thực hiện công trình Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) tại khu G, Thôn A, xã B, huyện C. Trong quá trình cấp có thẩm quyền lập dự án, cũng như ban hành các quyết định thành lập hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng (viết tắt là BT GPMB) dự án đến khi ban hành các quyết định thu hồi đất, sáu hộ không nhận được thông báo từ các cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày 29/8/2019, sau khi có thông báo bán đấu giá, sáu hộ mới được biết ngày 17/7/2018 Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C đã ban hành các quyết định về việc thu hồi đất gồm: số 395/QĐ-UBND đối với gia đình ông Bùi Văn A; số 396/QĐ-UBND đối với gia đình ông Đàm Huy N4 (bà Ngô Thị D); số 397/QĐ-UBND đối với gia đình ông Lê Văn G; số 398/QĐ-UBND đối với gia đình bà Hoàng Thị H; số 399/QĐ-UBND đối với gia đình ông Phí Văn B; số 402/QĐ-UBND đối với gia đình bà Nguyễn Thị B1. Đến thời điểm này, khi sáu hộ chuẩn bị hồ sơ khởi kiện ra Tòa án, sáu hộ vẫn chưa được nhận quyết định thu hồi đất.

Nhận thấy việc thu hồi đất của chính quyền huyện C và xã B không tuân theo đúng trình tự, thủ tục quy định, có hành vi lừa dối để người dân nhận tiền BT GPMB. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi đất nhưng không lập Biên bản kiểm đếm; không giao quyết định thu hồi đất; không công khai phương án

BT GPMB là trái quy định của pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của sáu hộ dân.

Sáu hộ đã khiếu nại đến cấp có thẩm quyền giải quyết nội dung: UBND huyện C và UBND xã B thu hồi đất không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất của pháp luật đất đai, thu hồi đất không có thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án BT GPMB; Khiếu nại các quyết định thu hồi đất không có căn cứ pháp luật thu hồi, không áp dụng đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định của pháp luật; Khiếu nại UBND huyện C, UBND xã B, Công ty Đấu giá Hợp danh D bán đấu giá thu hồi đất không đúng pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp người dân.

Tuy nhiên, việc thụ lý khiếu nại của sáu hộ lại do UBND xã B giải quyết. Ngày 21/10/2019, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân ở Thôn A, xã B. Theo quy định của pháp luật, thẩm quyền ban hành các quyết định thu hồi đất thuộc Chủ tịch UBND cấp huyện, nên thẩm quyền giải quyết khiếu nại do Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại. Do vậy việc UBND xã B thụ lý giải quyết và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trên là trái pháp luật và triệt tiêu quyền khiếu nại của sáu hộ lên cấp trên có thẩm quyền trực tiếp là UBND, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau đó, UBND huyện C lại tiếp tục thụ lý đơn khiếu nại và ban hành 02 quyết định số 1054/QĐ-UBND và 1053/QĐ-UBND trong cùng ngày 30/3/2020. Việc giải quyết khiếu nại của UBND, Chủ tịch UBND huyện C tại các quyết định 1054/QĐ-UBND và 1053/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 không chỉ ra được những căn cứ cụ thể theo quy định của pháp luật, cũng như giải quyết đảm bảo quyền lợi của sáu hộ khi bị thu hồi đất. Vì vậy, sáu hộ đề nghị Tòa án:

- + Hủy Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND huyện C về việc Phê duyệt phương án bồi thường, Giải phóng mặt bằng dự án Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất tại khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C (Viết tắt là Quyết định phê duyệt);

- + Hủy các Quyết định ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C của các hộ ông Bùi Văn A số 395/QĐ-UBND; hộ ông Đàm Huy N4 số 396/QĐ-UBND; hộ ông Lê Văn G số 397/QĐ-UBND; hộ bà Hoàng Thị H số 398/QĐ-UBND; hộ ông Phí Văn B số 399/QĐ-UBND và hộ bà Nguyễn Thị B1 số 402/QĐ-UBND (Viết tắt là các Quyết định thu hồi đất);

- + Hủy Quyết định số 132/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân ở Thôn A, xã B của Chủ tịch UBND xã B (Viết tắt là Quyết định 132);

+ Hủy Quyết định số 1054/QĐ-UBND và số 1053/QĐ-UBND cùng ngày 30/3/2020 về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C của Chủ tịch UBND huyện C.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

Thứ nhất: Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc đề nghị hủy Quyết định phê duyệt và các Quyết định thu hồi đất của 06 hộ dân, UBND huyện C có quan điểm:

Dự án Khu đất đấu giá QSDĐ tại Khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C (Viết tắt là Khu đất đấu giá) do UBND xã B làm chủ đầu tư được UBND tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận phạm vi, địa điểm lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Văn bản số 5009/UBND-CN1 ngày 26/7/2016. Dự án thuộc diện nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai 2013; được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án theo Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 22/12/2015, Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 22/12/2015. Dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện C được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt tại Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 28/7/2017; Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018.

Để thực hiện Dự án, trên cơ sở Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 04/7/2017 của UBND xã B và Tờ trình số 134/TTr-TNMT ngày 24/8/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) huyện, UBND huyện đã ban hành 15 Thông báo thu hồi đất, với tổng diện tích dự kiến thu hồi 6.007,6 m², gồm đất công ích của UBND xã B và đất nông nghiệp của 14 hộ gia đình cá nhân (trong đó có hộ ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E).

Thực hiện các Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án, ngày 31/8/2017, Hội đồng BT GPMB huyện đã phối hợp với UBND xã B tổ chức họp triển khai dự án tại nhà văn hóa Thôn A, gửi Thông báo thu hồi đất đến từng hộ dân; niêm yết thông báo thu hồi đất tại nhà văn hóa Thôn A và UBND xã B (có Biên bản hội nghị kèm theo). Ngày 31/8/2017, Hội đồng bồi thường GPMB huyện tổ chức hội nghị triển khai dự án, trong đó có nội dung xin ý kiến các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện việc kê khai, kiểm đếm.

Hội đồng bồi thường GPMB huyện đã phối hợp với UBND xã B và các hộ có đất bị thu hồi thực hiện việc kiểm đếm đất và tài sản trên đất của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, trong đó, có 06 hộ gia đình, cá nhân ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E, ở Thôn A, xã B. Kết thúc việc kiểm đếm, các hộ đã nhất trí nội dung và đã ký Biên bản kiểm đếm.

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-CT ngày 15/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện C (đợt 6); Các hồ sơ, giấy tờ về QSDĐ của hộ gia đình, cá nhân, thông tin địa chính do UBND xã B xác nhận và các quy định của pháp luật, Hội đồng bồi thường lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án theo quy định, trong đó, có 06 hộ gia đình, cá nhân nói trên.

Ngày 25/10/2017, HĐBT đã phối hợp cùng UBND xã B tổ chức hội nghị công khai lấy ý kiến tham gia đóng góp về phương án BT, GPMB, niêm yết công khai tại nhà văn hóa Thôn A và UBND xã (Có xác nhận của UBND xã B, MTTQ xã, đại diện Thôn A và các hộ gia đình, cá nhân). Sau 20 ngày công khai, đến ngày 13/11/2017, HĐBT phối hợp với UBND xã tổ chức hội nghị kết thúc công khai phương án BT, GPMB, tổng hợp ý kiến tham gia đóng góp và lập thành biên bản. Các hộ gia đình, cá nhân không có ý kiến thắc mắc về phương án bồi thường, hỗ trợ. Đại diện hộ gia đình cá nhân có đất bị thu hồi đã ký biên bản. Trên cơ sở kết quả công khai và kết thúc công khai phương án BT, GPMB, ngày 24/11/2017 HĐBT đã họp, thống nhất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (có biên bản làm việc). Ngày 06/02/2018 HĐBT có Tờ trình số 05/TTr-HĐBT về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án BT, hỗ trợ GPMB trình Phòng TN&MT thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt.

Trên cơ sở Thông báo thu hồi đất, kết quả kiểm đếm của Hội đồng BT GPMB, hồ sơ phương án BT GPMB do Hội đồng BT GPMB huyện lập và theo quy định của pháp luật, Phòng TN&MT đã có Tờ trình số 108/TTr-TNMT ngày 14/6/2018 về việc đề nghị thu hồi đất để thực hiện công trình khu đất đấu giá; Báo cáo số 44/BC-TNMT ngày 16/7/2018 về việc thẩm định phương án BT, GPMB công trình khu đất đấu giá kèm theo hồ sơ trình UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt.

Căn cứ các quy định của pháp luật và trên cơ sở xem xét Tờ trình số 108/TTr-TNMT ngày 14/6/2018, Báo cáo số 44/BC-TNMT ngày 16/7/2018 của Phòng TN&MT và các hồ sơ kèm theo, ngày 19/07/2018, UBND huyện C đã ban hành Quyết định phê duyệt phương và các Quyết định thu hồi đất liên quan đến việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E.

Về tính hợp pháp và có căn cứ của các Quyết định:

Quyết định phê duyệt được ban hành có đầy đủ căn cứ pháp lý; diện tích tính bồi thường, hỗ trợ và đơn giá bồi thường hỗ trợ phù hợp với Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 và Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh; Thẩm quyền ban hành Quyết định, đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai.

Các Quyết định thu hồi đất được UBND huyện C ban hành có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 66 và khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; phần Nội dung Quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Về việc tổ chức thực hiện các Quyết định:

Sau khi UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt, Hội đồng BT GPMB huyện phối hợp với UBND xã B tiến hành niêm yết công khai quyết định phê duyệt tại trụ sở UBND xã B và Nhà văn hoá Thôn A. Các hộ dân đã được biết và đồng ý về Phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 13/8/2018, Ban QLDA ĐTXD huyện đã ban hành Thông báo số 15/TB-QLDA về lịch chi trả tiền và niêm yết công khai Quyết định phê duyệt; Ngày 14/8/2018, UBND xã B đã ban hành Thông báo số 21/TB-UBND về việc trả tiền BT, GPMB, Thông báo này đã được gửi đến từng hộ dân có đất bị thu hồi.

Ngày 15/8/2018, UBND xã mời các hộ dân đến hội trường UBND xã B chi trả tiền bồi thường. Các hộ gia đình, cá nhân ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E đã ký, nhận tiền BT, GPMB theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt. Các hộ đã ký cam kết với nội dung: Hoàn toàn nhất trí để nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; hoàn toàn nhất trí theo phương án đền bù, GPMB đã được phê duyệt; sau khi nhận đủ tiền đền bù, GPMB sẽ bàn giao mặt bằng; không gây cản trở cho chủ đầu tư và đơn vị thi công.

Từ những nội dung nêu trên UBND huyện C khẳng định việc UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt là đúng quy định của pháp luật; quyền lợi của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được đảm bảo, do đó việc 06 hộ gia đình, cá nhân yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định phê duyệt và các Quyết định thu hồi đất liên quan đến 06 hộ gia đình, cá nhân là không có cơ sở.

Thứ hai: Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1053/QĐ-UBND và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C có quan điểm:

1. Về tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần hai) (Viết tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1053).

UBND huyện C nhận được đơn khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã

B, huyện C gồm: Ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E, bà Phạm Thị V1. UBND huyện C đã giao Thanh tra huyện làm việc với công dân để xác minh ban đầu và thống nhất nội dung khiếu nại của công dân.

Ngày 14/01/2020, Thanh tra huyện đã làm việc với công dân. Kết quả: công dân đã thống nhất nội dung đơn: Khiếu nại Chủ tịch UBND xã B không thực hiện cam kết với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi công trình Khu đất đấu giá tại buổi làm việc với các hộ ngày 15/8/2018, cụ thể: “UBND xã B xin tiếp thu và ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được mua 01 ô đất đấu giá theo quy định bằng giá sàn”. Nội dung khiếu nại trên của công dân đã được UBND xã B thụ lý và ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 21/10/2019. Kết quả giải quyết lần đầu không công nhận nội dung khiếu nại của người khiếu nại.

Sau khi xem xét nội dung khiếu nại, ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND về việc xác minh khiếu nại của 07 hộ dân. Chủ tịch UBND huyện C đã thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại do Chánh Thanh tra huyện làm Trưởng đoàn.

Ngày 22/01/2020, UBND huyện đã có các Thông báo từ số 26 đến số 32/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại lần 2 gửi người khiếu nại.

Ngày 11/02/2020, UBND huyện đã tổ chức hội nghị công bố Quyết định xác minh khiếu nại.

Đoàn xác minh được thành lập theo Quyết định 170/QĐ-UBND đã xây dựng Kế hoạch xác minh trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt ngày 30/1/2020. Trên cơ sở Kế hoạch xác minh được phê duyệt, Đoàn xác minh đã tiến hành làm việc, xác minh đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung khiếu nại của công dân.

Ngày 27/3/2020, UBND huyện C đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại. Kết quả, người khiếu nại, người bị khiếu nại thống nhất với kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 27/3/2020, Đoàn xác minh có Báo cáo số 02/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần hai).

Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh của Đoàn xác minh, ngày 30/3/2020, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần hai). Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1053 ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại mục 3 Chương 3 Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; đúng thể thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 18 và khoản 1 khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1053/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C là không có cơ sở.

2. Về tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần đầu).

Trên cơ sở kết quả làm việc ngày 14/01/2020 của Thanh tra huyện với đại diện các hộ dân có đơn khiếu nại. Ngày 22/01/2020 Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND V/v xác minh nội dung khiếu nại, các Thông báo từ số 26 đến 32/TB-UBND V/v thụ lý giải quyết khiếu nại. Nội dung khiếu nại được thụ lý:

+ Khiếu nại việc ban hành các quyết định thu hồi đất của UBND huyện C không có căn cứ. Đề nghị hủy bỏ quyết định thu hồi đất.

+ Khiếu nại việc UBND huyện C, UBND xã B thực hiện không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất để thực hiện công trình Khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, xã B, huyện C

Đoàn xác minh được thành lập theo Quyết định 170/QĐ-UBND đã xây dựng Kế hoạch xác minh trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt ngày 30/1/2020.

Trên cơ sở Kế hoạch xác minh đã được phê duyệt, từ ngày 11/02/2020 đến ngày 18/3/2020, Đoàn xác minh đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại.

Căn cứ vào thông tin, tài liệu, bằng chứng được thu thập trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, kết quả làm việc với cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan, Đoàn xác minh đã có Báo cáo số 01/BC-ĐXM ngày 27/3/2020 về kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Trên cơ sở báo cáo đề xuất của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 01/BC-ĐXM ngày 27/3/2020, ngày 30/3/2020 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1054/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần đầu) (Viết tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1054).

Chủ tịch UBND huyện C thụ lý giải quyết và ban hành Quyết định giải

quyết khiếu nại lần đầu số 1054/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011. Nội dung Quyết định thống nhất với kết quả xác minh và đề xuất của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 01/BC-XMKN ngày 27 tháng 3 năm 2020 về kết quả xác minh khiếu nại. Thủ tục được trình bày đúng theo Mẫu số 15-KN Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Từ những căn cứ nêu trên nhận thấy việc UBND huyện C ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt; Chủ tịch UBND huyện C ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1053/QĐ-UBND, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1054/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND xã và Chủ tịch UBND xã B là ông Nguyễn Hữu Q trình bày: Đối với quan điểm của người khởi kiện cho rằng trình tự, thủ tục thu hồi đất của UBND xã B là không đúng trình tự, thủ tục là không có căn cứ. Vì những lý do sau đây:

Đối với các thông báo thu hồi đất đều được phát trực tiếp cho các hộ dân tại hội nghị ngày 31/8/2019, đã lập các biên bản kiểm đếm cụ thể về loại đất và quỹ đất, có A ký đầy đủ của các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn ông Lê Văn K1. Các quyết định thu hồi đất UBND xã giao cho trưởng khu có trách nhiệm giao trực tiếp cho các hộ dân.

Các quyết định phê duyệt phương án bồi thường GPMB đều được niêm yết công khai tại nhà văn hoá Thôn A để các hộ dân biết và không ai thắc mắc gì.

Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 132/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã B thì nhận thấy việc ban hành Quyết định này là không đúng thẩm quyền nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 của Chủ tịch UBND xã B; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1053 của Chủ tịch UBND huyện C. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Quyết định phê duyệt số 393 và các Quyết định thu hồi đất số 395, 396, 397, 398, 399, 402 của UBND huyện C; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1054 của Chủ tịch UBND huyện C. Giải quyết án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện: Ông Bùi Văn A, ông Phí Văn B, bà Ngô Thị D, ông Nguyễn Quang E, ông Lê Văn G, bà Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 về việc Phê duyệt phương án bồi thường, Giải phóng mặt bằng dự án Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất tại khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C (Viết tắt là Quyết định phê duyệt); các Quyết định thu hồi đất để thực hiện công trình Khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C ngày 19/7/2018 của UBND huyện C số 395/QĐ-UBND đối với hộ ông A; số 396/QĐ-UBND đối với hộ bà D; số 397/QĐ-UBND đối với hộ bà H; 398/QĐ-UBND đối với hộ bà H; 399/QĐ-UBND đối với hộ ông B; 402/QĐ-UBND đối với hộ ông E (viết tắt là Quyết định thu hồi đất); Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân ở Thôn A, xã B, huyện C (viết tắt là Quyết định số 132); Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần hai) (viết tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1053); Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần đầu) viết tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1054). Các Quyết định trên được ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại về đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 30/3/2020, người khởi kiện nhận được các Quyết định là đối tượng khởi kiện nêu tại mục [1.1]. Ngày 07/5/2020 có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh

Vĩnh Phúc là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện C vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung khởi kiện của người khởi kiện:

[2.1] Nội dung khởi kiện đề nghị tuyên hủy Quyết định phê duyệt và Quyết định thu hồi đất:

Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định phê duyệt và Quyết định thu hồi đất:

Ngày 22/12/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Nghị quyết số 194/NQ-HĐND về việc chấp thuận thu hồi đất để triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (trong đó có dự án đất đầu giá giãn dân Thôn A, xã B). Đồng thời, ban hành Nghị quyết số 195/NQ-HĐND về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các công trình, dự án năm 2016.

Ngày 26/7/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Văn bản số 5009/UBND-CN1 về việc chấp thuận phạm vi địa điểm lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất đầu giá QSDĐ tại Khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 28/7/2017 và ngày 07/5/2018, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 2122/QĐ-UBND, Quyết định số 990/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của huyện C.

Ngày 04/7/2017, UBND xã B lập Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 04/7/2017 trình cơ quan có thẩm quyền ra thông báo thu hồi đất để lập phương án bồi thường GPMB khu đất đầu giá QSDĐ Thôn A, xã B, huyện C.

Ngày 24/8/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) huyện C lập Tờ trình số 134/TTr-TNMT trình UBND huyện C về việc đề nghị thông báo thu hồi đất để thực hiện khu đất đầu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A.

Căn cứ Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất; Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về điều chỉnh nội dung Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh

Vĩnh Phúc về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và uỷ quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất. Ngày 31/8/2017, UBND huyện C ban hành 15 Thông báo thu hồi đất, với tổng diện tích dự kiến thu hồi 6.007,6 m², gồm đất công ích của UBND xã B và đất nông nghiệp của 14 hộ gia đình cá nhân (trong đó có hộ ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E).

Hội 15 giờ 03 phút ngày 31/8/2017, tại trụ sở UBND xã B, đại diện Hội đồng GPMB, UBND xã B, Thôn A và đại diện các gia đình có đất bị thu hồi (có mặt 03 hộ gia đình, cá nhân) đã tổ chức Hội nghị họp triển khai dự án Khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, xã B (BL 111). Đồng thời, cùng ngày Hội đồng bồi thường GPMB huyện đã phối hợp với UBND xã B và các hộ có đất bị thu hồi thực hiện việc kiểm đếm đất đai và tài sản trên đất của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, trong đó, có hộ ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E. Ngoài ra, cùng ngày hộ bà D, ông G, bà H, ông E, ông B có đơn đề nghị về việc thu hồi đất trước thời hạn, đơn đề nghị thu hồi và bồi thường phần diện tích nhỏ, lẻ, khó canh tác sử dụng nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất xây dựng dự án (BL 86-108).

Ngày 15/9/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 971/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện C (đợt 6 năm 2017) (BL79-81).

Ngày 25/10/2017, Hội đồng BTGPMB huyện phối hợp với UBND xã B, Mặt trận Tổ quốc xã, thôn và các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi tổ chức hội nghị công khai lấy ý kiến tham gia đóng góp về phương án bồi thường, GPMB, đồng thời niêm yết công khai tại nhà văn hóa Thôn A và UBND xã B trong thời gian 20 ngày. Ngày 13/11/2017, lập biên bản về việc kết thúc công khai phương án bồi thường GPMB, tổng hợp ý kiến tham gia đóng góp (BL 77-79).

Ngày 24/11/2017, Hội đồng BTGPMB đã tổ chức Hội nghị thống nhất áp dụng đơn giá để lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi (BL 73-74)

Ngày 06/02/2018, Hội đồng BTGPMB có Tờ trình số 05/TTr-HĐBT đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trình UBND huyện và Phòng TN&MT (BL 69-72)

Ngày 14/6/2018, Phòng TN&MT lập Tờ trình số 108/TTr-TNMT gửi UBND huyện về việc đề nghị thu hồi đất để thực hiện công trình khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B (BL 67-68);

Ngày 16/7/2018, Phòng TN&MT có Báo cáo số 44/BC-TNMT gửi UBND huyện về việc thẩm định phương án bồi thường, GPMB, kèm theo báo cáo là Biểu thẩm định Phương án BTGPMB, hỗ trợ đất nông nghiệp của Hộ gia đình, cá nhân công trình khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B

(BL65-66).

Ngày 19/07/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, GPMB dự án: Khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B; ban hành các Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện công trình khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B (trong đó có các Quyết định số 395, 396, 397, 398, 399, 402/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E). Cụ thể các Quyết định có nội dung:

Quyết định thu hồi số 395 và Quyết định phê duyệt đối với hộ ông Bùi Văn A cụ thể: Tổng diện tích bồi thường hỗ trợ là 862,0m², trong đó diện tích đất thu hồi được giao theo giấy tờ 858,7m²; diện tích chênh lệch thiếu so với giấy tờ về quyền sử dụng đất 3,3m². Các khoản bồi thường gồm: đất 51.720.000đồng; hoa màu 5.208.204đồng. Các khoản hỗ trợ gồm: Ổn định đời sống theo nhân khẩu 15.120.000đồng; chuyển đổi nghề, tạo việc làm 129.300.000đồng; giải phóng mặt bằng 1.724.000đồng. Tổng số tiền bồi thường 203.072.204 đồng.

Quyết định thu hồi số 396 và Quyết định phê duyệt đối với hộ bà Ngô Thị D cụ thể: Tổng diện tích bồi thường hỗ trợ là 531,3m², trong đó diện tích đất thu hồi được giao theo giấy tờ 500m²; diện tích chênh lệch thiếu so với giấy tờ về quyền sử dụng đất 13,3m². Các khoản bồi thường gồm: đất 30.798.000đồng; hoa màu 3.101.359đồng. Các khoản hỗ trợ gồm: Ổn định đời sống theo m² thu hồi 7.500.000đồng; chuyển đổi nghề, tạo việc làm 75.000.000đồng; giải phóng mặt bằng 1.026.600đồng. Tổng số tiền bồi thường 117.425.959đồng.

Quyết định thu hồi số 397 và Quyết định phê duyệt đối với hộ ông Lê Văn G cụ thể: Tổng diện tích bồi thường hỗ trợ là 361,5m², trong đó diện tích đất thu hồi được giao theo giấy tờ 266m²; diện tích đất ngoài sổ sách 95,5m². Các khoản bồi thường gồm: đất 21.690.000đồng; hoa màu 2.184.183đồng. Các khoản hỗ trợ gồm: Ổn định đời sống theo m² thu hồi 3.990.000đồng; chuyển đổi nghề, tạo việc làm 39.900.000đồng; giải phóng mặt bằng 723.000đồng. Tổng số tiền bồi thường 68.487.183đồng.

Quyết định thu hồi số 398 và Quyết định phê duyệt đối với hộ bà Hoàng Thị H cụ thể: Tổng diện tích bồi thường hỗ trợ là 530,9m², trong đó diện tích đất thu hồi được giao theo giấy tờ 504m²; diện tích ngoài sổ sách 26,9m². Các khoản bồi thường gồm: đất 31.854.000đồng; hoa màu 3.207.698đồng. Các khoản hỗ trợ gồm: Ổn định đời sống theo m² thu hồi 7.560.000đồng; chuyển đổi nghề, tạo việc làm 75.600.000đồng; giải phóng mặt bằng 1.061.800đồng. Tổng số tiền bồi thường 119.283.498đồng.

Quyết định thu hồi số 399 và Quyết định phê duyệt đối với hộ ông Phí Văn B cụ thể: Tổng diện tích bồi thường hỗ trợ là 571m², trong đó diện tích đất

thu hồi được giao theo giấy tờ 553,2m²; diện tích chênh lệch thiếu so với giấy tờ về quyền sử dụng đất 17,8m². Các khoản bồi thường gồm: đất 34.260.000đồng; hoa màu 3.449.982đồng. Các khoản hỗ trợ gồm: Ổn định đời sống theo nhân khẩu 12.960.000đồng; chuyển đổi nghề, tạo việc làm 85.650.000đồng; giải phóng mặt bằng 1.142.000đồng. Tổng số tiền bồi thường 137.461.982đồng.

Quyết định thu hồi số 402 và Quyết định phê duyệt đối với hộ bà Nguyễn Thị B1 (ông Nguyễn Quang E) cụ thể: Tổng diện tích bồi thường hỗ trợ là 298,4m², trong đó diện tích đất thu hồi được giao theo giấy tờ 284m²; diện tích đất ngoài sổ sách 14,4m². Các khoản bồi thường gồm: đất 17.904.000đồng; hoa màu 1.802.933đồng. Các khoản hỗ trợ gồm: Ổn định đời sống theo m² thu hồi 4.260.000đồng; chuyển đổi nghề, tạo việc làm 42.600.000đồng; giải phóng mặt bằng 596.800đồng. Tổng số tiền bồi thường 67.163.733đồng.

Ngày 13/8/2018, Ban QLDA ĐTXD huyện ban hành Thông báo số 15/TB-QLDA về lịch chi trả tiền và niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, GPMB công trình khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B (BL 64);

Ngày 14/8/2018, UBND xã B ban hành Thông báo số 21/TB-UBND về việc trả tiền bồi thường, GPMB.

Ngày 15/8/2018, UBND xã mời các hộ dân đến hội trường UBND xã B chi trả tiền bồi thường. Các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E, ở Thôn A, xã B đã ký, nhận tiền bồi thường, GPMB theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND huyện C (BL 60-64). Đồng thời, các hộ đã ký bản cam kết với nội dung: Hoàn toàn nhất trí để nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; hoàn toàn nhất trí theo phương án đền bù, GPMB đã được phê duyệt; sau khi nhận đủ tiền đền bù, GPMB sẽ bàn giao mặt bằng; không gây cản trở cho chủ đầu tư và đơn vị thi công. Các hộ gia đình đã nhận tiền chi trả bồi thường và ký nhận tại Danh sách chi trả (BL 47, 49, 51, 55, 57, 59, 60, 61).

Tại phiên toà người khởi kiện không có ý kiến thắc mắc gì về giá bồi thường hỗ trợ và không đề nghị xem xét lại về giá bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất.

Như vậy, về mặt thẩm quyền: Quyết định phê duyệt và các Quyết định thu hồi đất được ban hành đúng thẩm quyền theo Quy định tại Điều 66 Luật Đất đai.

Về mặt hình thức các Quyết định được ban hành bảo đảm đúng theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ TN&MT.

Đối với Quyết định thu hồi đất về mặt căn cứ viện dẫn văn bản pháp lý có sự chưa chính xác về số, ký hiệu, trích yếu, ngày tháng năm đối với Nghị quyết

của Hội đồng nhân dân tỉnh, tuy nhiên đã được Ủy ban nhân dân huyện đính chính tại Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 31/3/2020.

Nội dung của Quyết định đã bảo đảm đúng đối tượng, đúng diện tích, đúng các mục chi trả, bồi thường theo Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/08/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định 971/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND huyện C về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện C.

Về mặt trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định còn chưa bảo đảm theo quy định của pháp luật như:

Các Thông báo thu hồi đất không được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;

Hội đồng BTGPMB không gửi quyết định phê duyệt đến từng người có đất bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 26 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2014/QĐ UBND;

Chủ tịch UBND xã B không gửi Quyết định thu hồi đất đến các hộ gia đình có đất bị thu hồi, không có văn bản thể hiện việc niêm yết quyết định thu hồi đất tại UBND xã và Nhà văn hóa Thôn A theo quy định tại Thông tư số: 30/2014/TT BTNMT; điểm d khoản 2 Điều 26 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2014/QĐ-UBND và khoản 1 Điều 2 của các Quyết định thu hồi đất;

Ngày 15/8/2018 UBND xã B thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 27 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2014/QĐ-UBND (Việc chi trả là do Hội đồng Bồi thường GPMB).

Mặc dù quá trình ban hành Quyết định phê duyệt và Quyết định thu hồi nêu trên còn chưa thực hiện một số thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên quá trình thực hiện các hộ dân đều được thông báo, đều được cơ quan

có thẩm quyền triển khai nội dung thông qua các Hội nghị. Các hộ dân đều đã được nhận tiền bồi thường theo đúng quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/08/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Quyết định 971/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND huyện C. Việc thiếu sót chưa thực hiện đúng một số thủ tục nêu trên không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các hộ dân có đất bị thu hồi. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc đề nghị hủy Quyết định phê duyệt và Quyết định thu hồi đất.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định Giải quyết khiếu nại số 132/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND xã B (viết tắt là Quyết định số 132); Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1053, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1054 của Chủ tịch UBND huyện C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 15/8/2018, UBND xã B tổ chức buổi làm việc chi trả tiền đền bù GPMB dự án khu đất đấu giá QSDĐ tại khu đồng G, Thôn A, xã B. Tại buổi làm việc Chủ tịch UBND xã B chủ trì Hội nghị và có nội dung kết luận: “UBND xã xin tiếp thu và ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được mua 01 ô đất đấu giá theo quy định bằng giá sàn”.

Từ ngày 15 đến 19/9/2019, các ông, bà Hoàng Thị H, Bùi Văn A, Lê Văn G, Phí Văn T1, Phí Văn B có đơn khiếu nại về việc UBND huyện, UBND xã thực hiện thu hồi đất không đúng trình tự, thủ tục, không có Quyết định thu hồi đất; Chủ tịch UBND xã B không thực hiện lời hứa theo Hội nghị làm việc ngày 15/8/2018.

Ngày 21/10/2019, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 132.

Không đồng ý với Quyết định số 132, ông Bùi Văn A, bà Hoàng Thị H, bà Ngô Thị D, ông Lê Văn G, ông Phí Văn B, ông Nguyễn Quang E, bà Phạm Thị V1 có đơn khiếu nại gửi nhiều cơ quan, trong đó có Chủ tịch UBND huyện C.

Sau khi nhận đơn khiếu nại của đại diện các hộ dân, Chủ tịch UBND huyện C đã giao Thanh tra huyện C làm rõ nội dung khiếu nại của các hộ dân.

Ngày 14/01/2020, Thanh tra huyện C làm việc với các ông bà có đơn khiếu nại, theo đó các ông bà có đơn khiếu nại thống nhất nội dung khiếu nại gồm: Không đồng ý với Quyết định số 132; đề nghị Chủ tịch UBND huyện giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: Đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất đối với các hộ do quyết định thu hồi đất không có căn cứ; UBND xã B, UBND huyện C thực hiện không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất; Chủ tịch UBND xã B làm việc với các hộ dân, cam kết ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được mua 01 ô đất đấu giá theo quy định bằng khởi điểm nhưng không thực

hiện.

Ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành các Thông báo số 27, 28, 29, 30, 31 và 32 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 gửi bà D, bà Vĩnh, ông A, ông B, ông E và ông G.

Ngày 30/01/2020, Đoàn xác minh được thành lập theo Quyết định số 170 của Chủ tịch UBND huyện C xây dựng Kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại của 07 hộ dân ở Thôn A, xã B, huyện C.

Ngày 11/02/2020, Đoàn xác minh khiếu nại làm việc với đại diện UBND xã B và các đại diện chuyên môn của UBND xã B, các ông bà có đơn khiếu nại tiến hành công bố quyết định 170.

Ngày 27/3/2020, Đoàn xác minh tổ chức Đối thoại với thành phần gồm Người giải quyết khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại; người khiếu nại và người bị khiếu nại. Cùng ngày, Đoàn xác minh có Báo cáo số 01/BC-ĐXM báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại) và Báo cáo số 02/BC-ĐXM báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B huyện C (lần 2).

Ngày 30/3/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 1053. Đồng thời, cùng ngày Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 1054.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 của Chủ tịch UBND xã B: Theo nội dung khiếu nại thì đại diện các hộ dân có 02 nội dung gồm: Khiếu nại đối với hành vi của UBND cấp có thẩm quyền không ban hành Quyết định thu hồi đất (thực hiện Quyết định thu hồi đất không đúng) và khiếu nại về việc Chủ tịch UBND xã B không thực hiện hành vi (lời hứa của Chủ tịch đối với việc ưu tiên cho các hộ được mua đất đấu giá QSDĐ theo giá sàn) tại buổi làm việc ngày 15/8/2018.

Về thẩm quyền ban hành giải quyết khiếu nại: Căn cứ theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết về hành vi không ban hành Quyết định thu hồi đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện C do thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện C, do đó Chủ tịch UBND xã B đã giải quyết cả nội dung này là không đúng thẩm quyền.

Đối với nội dung khiếu nại về hành vi của Chủ tịch UBND xã B không thực hiện lời hứa của Chủ tịch UBND xã B vào buổi làm việc ngày 15/8/2018 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã B.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại: Ngày

19/9/2019, Chủ tịch UBND xã B nhận đơn khiếu nại của đại diện các hộ dân, ngày 21/10/2019, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu trong khi chưa thực hiện thủ tục đối thoại với các hộ dân là không đúng quy định tại Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011; không thực hiện các bước thụ lý, xác minh nội dung khiếu nại, đối thoại với người có đơn khiếu nại ... là thực hiện không đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Về nội dung: Tại buổi làm việc ngày 15/8/2018 giữa UBND xã B và các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, Chủ tịch UBND xã B là người chủ trì buổi làm việc đã kết luận: “UBND xã B xin tiếp thu và ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được mua 01 ô đất đấu giá theo quy định bằng giá sàn”. Nội dung kết luận về thực hiện hành vi như trên là trái pháp luật. Bởi việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất phải được thực hiện công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia; đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 117 Luật đất đai năm 2013 và Luật đấu giá tài sản. UBND xã B, Chủ tịch UBND xã B không có thẩm quyền như lời hứa thực hiện hành vi nêu trên.

Tại Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 thể hiện: “Chủ tịch UBND xã đã thực hiện lời hứa đối với các hộ dân bằng cách ưu tiên mua hồ sơ đấu giá đất bằng giá sàn và hướng dẫn thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản nhưng các hộ không chấp nhận, không mua hồ sơ đấu giá đất, không có đơn xin tham gia đấu giá. Như vậy, không có căn cứ để đòi hỏi mua 01 ô đất đấu giá theo quy định của pháp luật”. Với nội dung giải quyết khiếu nại trên của Chủ tịch UBND xã B là không phù hợp với lời hứa thực hiện hành vi như biên bản làm việc ngày 15/8/2018. Tuy nhiên, như phân tích trên do kết luận về việc thực hiện hành vi ưu tiên cho các hộ dân được mua đất đấu giá theo giá sàn của Chủ tịch UBND xã B là trái pháp luật nên Chủ tịch UBND xã B không thực hiện được hành vi nêu trên.

Ngày 04/5/2020, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 118/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 132, tuy nhiên, tại Điều 1 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 vẫn chưa bị hủy bỏ và Điều 1 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 thể hiện nội dung giải quyết về thủ tục thu hồi đất. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 của Chủ tịch UBND xã B vi phạm về thẩm quyền, không đúng trình tự, thủ tục ban hành và nội dung ban hành không phù hợp với nội dung khiếu nại của người khiếu nại.

[2.2.2] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1503 và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1504 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức theo quy định tại các Điều 14, 15, 18, 36, 38, 39 và

40 Luật Khiếu nại; khoản 1 Điều 1 Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 7, Điều 18, Điều 21 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Mẫu số 15 và số 16-KN được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Ngày 14/01/2020, Thanh tra huyện C làm việc với các ông bà có đơn khiếu nại, theo đó các ông bà có đơn khiếu nại thống nhất nội dung khiếu nại gồm: Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã B tại Quyết định số 132; đề nghị Chủ tịch UBND huyện giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: Đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất đối với các hộ do quyết định thu hồi đất không có căn cứ; UBND xã B, UBND huyện C thực hiện không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất; Chủ tịch UBND xã B làm việc với các hộ dân, cam kết ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được mua 01 ô đất đấu giá theo quy định bằng khởi điểm nhưng không thực hiện.

Với nội dung khiếu nại nêu trên, Chủ tịch UBND huyện C đã làm rõ và xác định khiếu nại đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất đối với các hộ do quyết định thu hồi đất không có căn cứ thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện C nên Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1504. Quyết định 1054 đã bảo đảm về mặt nội dung giải quyết khiếu nại, cụ thể đã nêu rõ thiếu sót trong trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành các Quyết định thu hồi đất đối với các hộ dân có đơn khiếu nại như nhận định tại mục [2.1], qua đó đã quyết định đình chỉ về căn cứ viện dẫn của các Quyết định thu hồi, đồng thời quyết định Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng; Chủ tịch UBND xã B khắc phục những thiếu sót trong quá trình thực hiện.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1053 đã nêu rõ những sai phạm của Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 của Chủ tịch UBND xã B về trình tự, thủ tục và nội dung giải quyết khiếu nại, qua đó đã yêu cầu Chủ tịch UBND xã B hủy bỏ Điều 2 của Quyết định 132; Yêu cầu UBND xã B, Chủ tịch UBND xã B có biện pháp khắc phục đối với nội dung kết luận không đúng quy định tại biên bản làm việc ngày 15/8/2018 giữa UBND xã B và các hộ gia đình, cá nhân Thôn A. Tuy nhiên, Quyết định 1053 chưa xem xét đến thẩm quyền giải quyết không đúng của Quyết định 132 đối với nội dung giải quyết khiếu nại về Quyết định thu hồi đất và được giải quyết tại Điều 1 của Quyết định 132 là chưa xem xét hết nội dung khiếu nại và nội dung giải quyết khiếu nại lần 1.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy Quyết định số 132 của Chủ tịch UBND xã B và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1053 của Chủ tịch UBND huyện C; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng số 393, các Quyết định thu hồi đất số 395, 396, 397, 398, 399, 402 ngày 19/7/2018 của UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1054 ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C.

Đối với việc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về kết luận ngày 15/8/2018 và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 132 không đúng pháp luật, ngày 04/5/2020 UBND huyện C đã có Công văn chỉ đạo UBND, Chủ tịch UBND xã B, Trưởng phòng Nội vụ huyện C tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã B trong việc thực hiện không đúng trình tự, thủ tục khi giải quyết khiếu nại lần đầu của các hộ dân tại Thôn A, xã B; trong quá trình thực thi công vụ đã kết G nội dung không đúng quy định tại biên bản làm việc ngày 15/8/2018 giữa UBND xã với các hộ dân (BL 175). Chủ tịch UBND đã tổ chức Hội nghị công khai xin lỗi đối với các hộ dân vào ngày 28/5/2020 tại Hội trường UBND xã B (BL174), đồng thời, Chủ tịch UBND xã B đã tiến hành kiểm điểm vào ngày 29/5/2020 (BL 34), do đó, Hội đồng xét xử không kiến nghị về cách thức xử lý và kiến nghị Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành xem xét trách nhiệm theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính.

Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện C tổ chức rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

[4] Về án phí: Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; người bị kiện Chủ tịch UBND huyện C và Chủ tịch UBND xã B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn A, ông Phí Văn B, bà Ngô Thị D, ông Nguyễn Quang E, ông Lê Văn G, bà Hoàng Thị H:

Hủy Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân ở Thôn A xã B; Hủy Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần 2).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn A, ông Phí Văn B, bà Ngô Thị D, ông Nguyễn Quang E, ông Lê Văn G, bà Hoàng Thị H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND huyện C về việc Phê duyệt phương án bồi thường, Giải phóng mặt bằng dự án Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất tại khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C; Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất tại khu đồng G, Thôn A, xã B, huyện C số 395/QĐ-UBND; 396/QĐ-UBND; 397/QĐ-UBND; 398/QĐ-UBND; 399/QĐ-UBND; 402/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của hộ ông Bùi Văn A, ông Phí Văn B, bà Ngô Thị D, ông Nguyễn Quang E, ông Lê Văn G, bà Hoàng Thị H và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân ở Thôn A, xã B, huyện C (lần đầu).

3. Về án phí: ông Bùi Văn A, ông Phí Văn B, bà Ngô Thị D, ông Nguyễn Quang E, ông Lê Văn G, bà Hoàng Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; ông Bùi Văn A được hoàn trả lại 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0009803, ông Phí Văn B được hoàn trả lại 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0009805, ông Nguyễn Quang E được hoàn trả lại 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0009804 ngày 25/6/2020 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Chủ tịch UBND xã B phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch UBND huyện C phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà